

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28-11-2024

"V/v: tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thanh Nhân và bà Lê Thị Thu Anh

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Anh- thư ký viên tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa:** ông Vương Hải Nam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Bùi Thị V, sinh năm: 1962; nơi ĐKTT: khu G, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn D, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

* Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1963; nơi ĐKTT: khu G, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn D, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày:

- Về tình cảm: bà V và ông H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn từ năm 1985 tại UBND xã H, thành phố M trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước hôn nhân, tuy nhiên bà V không cung cấp được giấy tờ chứng minh đã đăng ký kết hôn vì đã làm mất trong quá trình chuyển nhà. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì bà V phát hiện ông H có quan hệ ngoại tình nhưng vì con chung còn nhỏ nên bà vẫn nhẫn nhịn. Năm 2010 gia đình bà làm ăn thua lỗ và bị Ngân hàng khởi kiện và ông bà phải bàn giao nhà ở khu G, H cho Ngân hàng phát mại trừ nợ và chuyển xuống đảm ở

thôn D, xã H ở cho đến nay. Năm 2012 bà tiếp tục phát hiện ông H có con ngoài giá thú với chị Phạm Thị L người ở Thái Bình ra M xây dựng kinh tế mới thì cuộc sống chung vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Bà và ông H đã sống ly thân hơn 10 năm nay không ai còn quan tâm đến ai, nay bà xét thấy không còn tình cảm, tình yêu thương vợ chồng với ông H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Tiến P sinh ngày 04/7/1987 và Nguyễn Thị L1 sinh ngày 31/9/1994. Các con chung đều đã thành niên nên bà không có đề nghị gì.

- Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về tình cảm: bà V trình bày về việc đăng ký kết hôn, mất giấy chứng nhận kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thực trạng việc vợ chồng sống ly thân hơn chục năm nay là đúng. Tại phiên Tòa hôm nay ông H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do ông, nay bà V cương quyết xin ly hôn ông cũng đồng ý vì xét tình cảm vợ chồng không còn chỉ là nghĩa vụ với gia đình.

- Về con chung: có 02 con chung như bà V trình bày là đúng; các con chung đều đã thành niên và có gia đình riêng nên ông H không có đề nghị gì.

- Về tài sản chung: Tại phiên Tòa hôm nay ông H đề nghị 2 vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

- Về khoản nợ chung: ông H trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án bà V đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: căn cước công dân (02 bản sao); giấy khai sinh (01 bản sao, 01 bản phô tô); xác nhận cư trú (01 bản chính); Văn bản cam đoan (01 bản phô tô); Cuống gửi bưu điện (01 bản chính); đơn xin miễn án phí sơ thẩm; 01 quyển sổ hộ khẩu bản chính.

Chứng cứ do Tòa án Móng Cái thu thập là: 01 biên bản lấy lời khai của bị đơn; 02 biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị V về việc: "tranh chấp ly hôn".

+ Về tình cảm: xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: các con chung đều đã thành niên, các đương sự đều không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung: các bên đương sự đều thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

+ Về các khoản nợ chung: không có.

Các đương sự thống nhất được toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. *Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có đăng ký kết hôn năm 1985 tại UBND xã H, thành phố M và đều trình bày đã làm mất giấy đăng ký kết hôn trong quá trình chuyển nhà. Ông bà cũng đã làm đơn xin cấp trích lục kết hôn tại UBND xã H nhưng UBND xã trả lời không cung cấp được vì sổ sách hồ sơ lưu trữ việc kết hôn của UBND xã H từ năm 1998 trở về trước hiện không còn lưu giữ. Tuy nhiên căn cứ vào giấy khai sinh của con trai lớn của ông bà là anh Nguyễn Tiến P sinh ngày 04/7/1987 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 thì xác định hôn nhân giữa ông H, bà V là hôn nhân thực tế, do vậy khi bà V có yêu cầu ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về xác định tư cách tố tụng:* nguyên đơn là bà Bùi Thị V và bị đơn là ông Nguyễn Văn H theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. *Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải:* Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

1.4. *Về việc triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên Tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị V thấy:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình điều tra, tại phiên Tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

- Về tình cảm: bà V và ông H chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc từ năm 1985 đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H có quan hệ ngoại tình nhưng do con chung còn nhỏ nên bà đã nhẫn nhịn. Đến năm 2012 bà tiếp tục phát hiện ông H có con ngoài giá thú thì cuộc sống vợ chồng ông bà càng mâu thuẫn trầm trọng, giữa 2 người không còn tình cảm, tình yêu thương lẫn nhau, mặc dù ở cùng nhà nhưng ông bà đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Bản thân ông H cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc ông là người có lỗi trước, nay bà V cương quyết xin ly hôn ông hoàn toàn nhất trí. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, tình cảm, tình yêu thương giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Bùi Thị V với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 (hai) con chung là Nguyễn Tiến P sinh ngày 04/7/1987 và Nguyễn Thị L1 sinh ngày 31/9/1994. Các con chung đều đã thành niên và 2 ông bà không có đề nghị gì nên không đề cập.

- Về tài sản chung: quá trình giải quyết vụ án, tại phiên Tòa hôm nay các bên đương sự đều thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung nên không đề cập, sau này nếu các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

- Về khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà Bùi Thị V có đơn xin miễn tiền án phí, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn và có quan điểm xin miễn án phí, do bà V, ông H là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày

09/6/2000 của Quốc Hội; Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị V về việc “tranh chấp ly hôn” .

1. Về tình cảm: xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Bùi Thị V và ông Nguyễn Văn H.

3. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về quyền kháng nghị: căn cứ Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự: viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Án văn + Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Nhân Lê Thị Thu A

Vũ Thị Thanh P1